

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 2548/QĐ-UBND

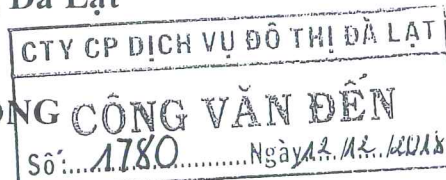
Lâm Đồng, ngày 11 tháng 12 năm 2018

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá khởi điểm để thực hiện thoái vốn nhà nước
đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG **CÔNG VĂN ĐẾN**

Số: 1780 Ngày 12/12/2018

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định giá trị cổ phần vốn nhà nước và giá khởi điểm đầu giá phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần có vốn nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020 (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định) tại Tờ trình số 2906/TTr-HĐTĐ ngày 28/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để thực hiện thoái vốn nhà nước (1.279.300 cổ phần nhà nước đang nắm giữ) tại Công ty cổ phần dịch vụ đô thị Đà Lạt là 36.800 đồng/01 cổ phần (Ba mươi sáu nghìn tám trăm đồng trên một cổ phần).

Giá khởi điểm cổ phần để thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty cổ phần dịch vụ đô thị Đà Lạt nêu trên đã bao gồm giá trị lợi thế quyền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ. Các nghĩa vụ tài chính liên quan đến việc thuê đất và nghĩa vụ tài chính khác, Công ty cổ phần dịch vụ đô thị Đà Lạt tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2.

1. Hội đồng thẩm định, Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần dịch vụ đô thị Đà Lạt và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của số liệu đã trình phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này.

2. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần dịch vụ đô thị Đà Lạt phối hợp với công ty và đơn vị tư vấn xây dựng phương án đầu giá cổ phần trình thẩm định, phê duyệt theo quy định và thực hiện các bước tiếp theo để tổ chức thực hiện việc thoái vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giám sát Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần dịch vụ đô thị Đà Lạt trong việc thực hiện quy trình, thủ tục để thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần dịch vụ đô thị Đà Lạt; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký ban hành./-

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Ban Chỉ đạo đổi mới và PTĐN;
- TT-TU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH₂.

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 498... Quyển số: I... SCT/BS

Ngày: 28... tháng 01... năm 2019.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3, THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Yên



Dặng Quang Cảnh

BIÊN BẢN

**Về việc thẩm định kết quả xác định giá khởi điểm để thoái vốn nhà nước
đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt**

Để có cơ sở báo cáo, đề xuất UBND tỉnh giá khởi điểm thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt;

Vào lúc 15 giờ 00 ngày 26 tháng 11 năm 2018 Hội đồng thẩm định giá trị cổ phần vốn nhà nước và giá khởi điểm đấu giá phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần có vốn nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của UBND tỉnh tổ chức họp với nội dung cụ thể như sau:

A. THÀNH PHẦN

1. Hội đồng thẩm định:

- | | |
|---------------------------|--|
| - Ông Phạm Văn Bình | : Phó Giám đốc Sở Tài chính – Chủ trì. |
| - Ông Nguyễn Dũng | : Phó Giám đốc Sở Xây dựng; |
| - Bà Cao Thị Thanh | : Phó Giám đốc Sở Công thương; |
| - Ông Hoàng Anh Tuấn | : Phó Giám đốc Sở GTVT; |
| - Ông Nguyễn Văn Trãi | : Phó Giám đốc Sở TN&MT; |
| - Ông Đoàn Vinh Quang | : Phó Trưởng Ban Đổi mới và PTDN tỉnh; |
| - Ông Bùi Trung Đường | : Người đại diện 50% phần vốn nhà nước; |
| - Ông Phạm Văn Tuyên | : Người đại diện 30% phần vốn nhà nước; |
| - Ông Lê Quang Thanh Liêm | : Người đại diện 20% phần vốn nhà nước; |
| - Ông Trần Minh Thuận | : Phó Trưởng phòng - Phụ trách phòng TCDN - Thư ký. |

2. Đại diện Công ty TNHH Thẩm định và Tư vấn Việt:

Ông Nguyễn Quốc Việt Tuấn : Giám Đốc;

3. Đại diện Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt:

Bà Đặng Quỳnh Như : Kế toán trưởng .

II. NỘI DUNG: thẩm định kết quả xác định giá trị cổ phần vốn nhà nước và giá khởi điểm đấu giá phần vốn nhà nước để thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt

1. Cơ sở pháp lý:

- Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;



- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015;

- Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014;

- Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

- Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016;

- Thông tư liên bộ số 13/LB-TT ngày 18/8/1994 của Liên Bộ: Xây dựng - Tài chính - Ban vật giá chính phủ về hướng dẫn phương pháp xác định giá trị còn lại của nhà ở;

- Công văn số 1326/BXD-QLN ngày 08/08/2011 của Bộ Xây dựng V/v hướng dẫn kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản cố định là nhà, vật kiến trúc;

- Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 03/06/2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng ban hành đơn giá xây dựng mới biệt thự, nhà ở, nhà kính và đơn giá cấu kiện tổng hợp để xác định giá trị tài sản là công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

- Chứng thư thẩm định giá số 10/19/CT-TĐV ngày 20/11/2018 của Công ty TNHH Thẩm định và Tư vấn Việt về xác định giá trị doanh nghiệp Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt tại thời điểm 30/6/2018 (phương pháp tài sản) đã được Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt xác nhận.

II. Kết quả thẩm tra: Trên cơ sở nội dung thuyết minh, giải trình của đơn vị tư vấn và Người đại diện phần vốn nhà nước, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt, các thành viên tham dự họp đã thảo luận và thống nhất một số nội dung sau:

1. Đối với tài sản đang dùng: Hội đồng thẩm định thống nhất với phương pháp xác định lại giá trị tài sản của đơn vị tư vấn là: thực hiện đánh giá lại

nguyên giá và tỷ lệ % chất lượng còn lại theo kết quả kiểm kê, khảo sát hiện trạng và so sánh với các tài sản tương tự được giao dịch trên thị trường.

- Giá trị xác định lại tăng so với sổ sách kế toán là 22.705.304.535 đồng, trong đó, Nhà cửa vật kiến trúc tăng 2.092.073.292 đồng, máy móc thiết bị tăng 650.057.180 đồng, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn tăng 3.046.865.764 đồng, thiết bị dụng cụ quản lý tăng 24.377.770 đồng, tài sản cố định khác tăng 63.104.382 đồng, phần mềm quản lý tăng 7.000.000 đồng và tài sản dài hạn khác tăng 16.821.826.147 đồng.

- Riêng đối với việc xác định giá trị lợi thế kinh doanh, đơn vị tư vấn vận dụng quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về hướng dẫn xác định giá trị lợi thế kinh doanh để thực hiện xác định Giá trị lợi thế kinh doanh (= Giá trị thương hiệu + Giá trị tiềm năng phát triển).

2. Đối với giá trị lợi thế thương mại từ quyền thuê đất tăng 134.032.065.777 đồng, gồm:

- Bất động sản tại địa chỉ số 06 và 08 đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, thành phố Đà Lạt (sử dụng làm Văn phòng Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt) là 13.040.315.659 đồng;

- Bất động sản tại địa chỉ số 02 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 8 thành phố Đà Lạt (sử dụng làm bãi tập kết xe ép rác, xe tưới nước...) là 2.520.452.801 đồng;

- Bất động sản tại Cam Ly, Phường 5, thành phố Đà Lạt (sử dụng làm vườn ươm cây cung cấp cho công viên, cây xanh đô thị) là 3.963.551.015 đồng;

- Bất động sản là Vườn hoa thành phố, Phường 8, thành phố Đà Lạt (sử dụng để kinh doanh dịch vụ tham quan) là 114.507.746.302 đồng.

Hội đồng thẩm định thống nhất phương pháp tính của đơn vị tư vấn, cụ thể:

- Áp dụng phương pháp so sánh để xác định quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường, đây là phương pháp thẩm định giá dựa trên cơ sở phân tích mức giá của các tài sản tương tự với tài sản cần thẩm định giá đã giao dịch thành công hoặc đang mua, bán trên thị trường trong điều kiện thương mại bình thường vào thời điểm cần thẩm định giá hoặc gần với thời điểm cần thẩm định giá để ước tính và xác định giá trị thị trường của tài sản;

- Áp dụng phương pháp chiết trừ để xác định để xác định giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất có tài sản gắn liền với đất, đây là phương pháp thẩm định giá xác định giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất có tài sản gắn liền với đất bằng cách loại trừ phần giá trị tài sản gắn liền với đất ra khỏi tổng giá trị bất động sản (bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản gắn liền với đất).

3. Đơn vị tư vấn xác định lại giá trị tài sản trên cơ sở số liệu sổ sách kế toán của Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt cung cấp, Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu trên sổ sách kế toán đã cung cấp cho đơn vị tư vấn; đơn vị tư vấn chịu trách

nhiệm vụ xác định tỷ lệ còn lại của tài sản được định giá lại và giá trị so sánh của tài sản tương tự qua tham khảo trên thị trường.

4. Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của số liệu kiểm kê, kết quả đối chiếu công nợ tại thời điểm 0 giờ ngày 01/7/2018.

5. Kết quả xác định lại giá trị tài sản của Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt:

Đơn vị tính: Đồng;

| Stt | Chi tiêu | Số liệu sổ sách kế toán | Số liệu xác định lại | Chênh lệch |
|------------|---|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| (A) | (B) | (1) | (2) | (3)=(2)-(1) |
| A | TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III) | 110.347.316.437 | 267.084.686.749 | +156.737.370.312 |
| I | Tài sản cố định và đầu tư dài hạn | 32.637.197.050 | 55.342.501.585 | + 22.705.304.535 |
| 1 | Tài sản cố định | 30.142.655.445 | 36.026.133.833 | + 5.883.478.388 |
| 1.1 | Tài sản cố định hữu hình | 30.002.255.445 | 35.878.733.833 | + 5.876.478.388 |
| a | Nhà cửa, vật kiến trúc | 10.672.233.636 | 12.764.306.928 | + 2.092.073.292 |
| b | Máy móc, thiết bị | 6.047.954.864 | 6.698.012.044 | + 650.057.180 |
| c | Phương tiện vận tải và Thiết bị truyền dẫn | 12.850.222.918 | 15.897.088.682 | + 3.046.865.764 |
| d | Thiết bị, dụng cụ quan lý | 34.122.229 | 58.500.000 | + 24.377.770 |
| e | Tài sản cố định khác | 397.721.798 | 460.826.180 | + 63.104.382 |
| 1.2 | Tài sản cố định thuê tài chính | - | - | - |
| 1.3 | Tài sản cố định vô hình | 140.400.000 | 147.400.000 | + 7.000.000 |
| a | Phần mềm quản lý | 140.400.000 | 147.400.000 | + 7.000.000 |
| 2 | Các khoản phải thu dài hạn | - | - | - |
| 3 | Bất động sản đầu tư | - | - | - |
| 4 | Tài sản dở dang dài hạn | 760.403.259 | 760.403.259 | - |
| 5 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 608.015.024 | 608.015.024 | - |
| 6 | Tài sản dài hạn khác | 1.126.123.322 | 17.947.949.469 | +16.821.826.147 |
| II | Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn | 77.710.119.387 | 77.710.119.387 | |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 32.996.849.756 | 32.996.849.756 | |
| 1.1 | Tiền | 14.166.849.756 | 14.166.849.756 | |
| | - Tiền mặt tồn quỹ | 1.252.812.781 | 1.252.812.781 | |
| | - Tiền gửi ngân hàng | 12.914.036.975 | 12.914.036.975 | - |
| 1.2 | Các khoản tương đương tiền | 18.830.000.000 | 18.830.000.000 | - |
| 2 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 33.650.000.000 | 33.650.000.000 | - |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 8.588.102.581 | 8.588.102.581 | - |
| 4 | Hàng tồn kho | 2.475.167.050 | 2.475.167.050 | - |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | - | - | - |
| 6 | Chi phí sự nghiệp | - | - | - |
| III | Giá trị lợi thế thương mại từ quyền thuê đất | - | 134.032.065.777 | +134.032.065.777 |
| B | TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG | - | - | - |
| C | TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ | - | - | - |

| Stt | Chỉ tiêu | Số liệu sổ sách kế toán | Số liệu xác định lại | Chênh lệch |
|-----|---|-------------------------|----------------------|------------------|
| (A) | (B) | (1) | (2) | (3) = (2) - (1) |
| D | TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh) | - | - | - |
| | TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D) | 110.347.316.437 | 267.084.686.749 | +156.737.370.312 |
| | Trong đó: TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP (Mục A) | 110.347.316.437 | 267.084.686.749 | +156.737.370.312 |
| E.1 | Nợ thực tế phải trả | 41.179.086.065 | 41.179.086.065 | |
| E.2 | Nguồn kinh phí sự nghiệp | (262.318.572) | (262.318.572) | |
| | TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN CHỦ SỞ HỮU TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E.1 + E.2)] | 69.430.548.944 | 226.167.919.256 | +156.737.370.312 |

III. Đề xuất UBND tỉnh

Trên cơ sở kết quả xác định giá trị thực tế của Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt tại thời điểm 0 giờ ngày 01/7/2018 nêu trên do đơn vị tư vấn lập, Hội đồng thẩm định đề xuất UBND tỉnh lựa chọn một trong 02 phương án xác định giá khởi điểm để thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt theo quy định tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

* Phương án 1:

Xác định lợi thế thương mại từ quyền được thuê đất đối với cả 05 bất động sản là số 06 và 08 đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, thành phố Đà Lạt (sử dụng làm Văn phòng Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt), số 02 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 8 thành phố Đà Lạt, Vườn ươm Cam Ly, Phường 5, thành phố Đà Lạt và Vườn hoa thành phố, Phường 8, thành phố Đà Lạt vào giá trị thực tế của doanh nghiệp theo Chứng thư thẩm định giá của đơn vị tư vấn.

- Giá trị doanh nghiệp chưa bao gồm lợi thế : 133.052.620.972 đồng;
thương mại tạo bởi từ quyền được thuê đất

- Giá trị lợi thế thương mại từ quyền được : 134.032.065.777 đồng;
thuê đất

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp: : 267.084.686.749 đồng;

- Nợ phải trả và nguồn kinh phí sự nghiệp : 40.916.767.493 đồng;

- Giá trị thực tế vốn chủ sở hữu : 226.167.919.256 đồng;

- Số lượng cổ phần đang lưu thông : 5.614.300 cổ phần;

- Giá trị thực tế mỗi cổ phần: : 40.284 đồng/cổ phần;

Làm tròn: : 40.300 đồng/cổ phần;

- Số cổ phần nhà nước thực hiện thoái vốn : 1.279.300 cổ phần;

- Giá trị khởi điểm phần vốn nhà nước thực hiện thoái vốn : 51.555.790.000 đồng.

*** Phương án 2:**

Chỉ xác định lợi thế thương mại từ quyền được thuê đất đối với Vườn hoa thành phố, Phường 8, thành phố Đà Lạt. Lý do: Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt là công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối, thực hiện nhiệm vụ công ích và nhà nước đặt hàng; Công ty chủ yếu thực hiện nhiệm vụ công ích là trồng và chăm sóc cây xanh trong thành phố, thu dọn vệ sinh thành phố, quản lý một số nghĩa trang... vì vậy, có một số tài sản không trực tiếp tham gia vào kinh doanh và không đem lại lợi nhuận hoặc đem lại lợi nhuận không đáng kể. Các bất động sản còn lại chỉ phục vụ cho doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ công ích được giao hoặc nhà nước đặt hàng, không đặt nặng mục tiêu lợi nhuận.

Trong 5 bất động sản phải tính lợi thế thương mại từ quyền được thuê đất, chỉ có Vườn hoa thành phố tại Phường 8, thành phố Đà Lạt được Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt sử dụng vào mục đích kinh doanh dịch vụ tham quan.

Số liệu xác định giá trị doanh nghiệp và giá khởi điểm cổ phần, cụ thể:

- Giá trị doanh nghiệp chưa bao gồm lợi thế : 133.052.620.972 đồng;
thương mại tạo bởi từ quyền được thuê đất

- Giá trị lợi thế thương mại từ quyền được thuê đất : 114.507.746.302 đồng;

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp: : 247.560.367.274 đồng;

- Nợ phải trả và nguồn kinh phí sự nghiệp : 40.916.767.493 đồng;

- Giá trị thực tế vốn chủ sở hữu : 206.643.599.781 đồng;

- Số lượng cổ phần đang lưu thông : 5.614.300 cổ phần;

- Giá trị thực tế mỗi cổ phần: : 36.807 đồng/cổ phần;

Làm tròn: : 36.800 đồng/cổ phần;

- Số cổ phần nhà nước thực hiện thoái vốn : 1.279.300 cổ phần;

- Giá trị khởi điểm phần vốn nhà nước thực hiện thoái vốn : 47.078.240.000 đồng.

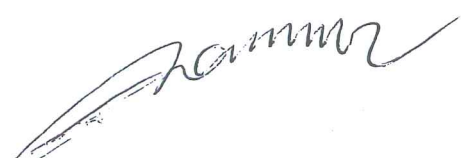
*** Phương án chọn:** Hội đồng thẩm định đã thảo luận và thống nhất lựa chọn phương án 2 với mức giá khởi điểm (đã quy tròn) 36.800 đồng/cổ phần.

Biên bản kết thúc vào lúc 17 giờ 00 cùng ngày được các thành viên tham gia cuộc họp thống nhất thông qua và ký tên làm cơ sở để Hội đồng thẩm định tổng hợp, trình UBND tỉnh Lâm Đồng giá trị cổ phần vốn nhà nước và giá khởi điểm đấu giá phần vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt tại thời điểm 0 giờ 00 ngày 01/7/2018./.

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THƯ KÝ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG


Trần Minh Thuận




Phạm Văn Bình

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

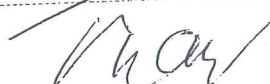
1. Phó Giám đốc Sở Xây dựng



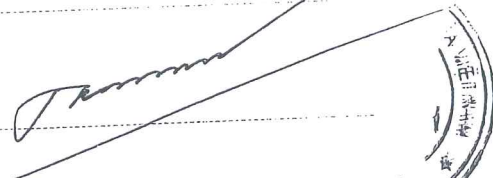
2. Phó Giám đốc Sở Công thương



3. Phó Giám đốc Sở Giao thông Vận Tải



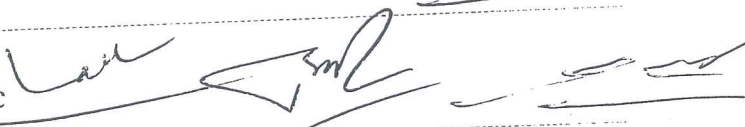
4. Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường



5. Phó Trưởng Ban Đổi mới và PTDN tỉnh



6. Người đại diện phần vốn nhà nước



ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH
THẨM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN VIỆT

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT



Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 4.99....Quyển số: I....SCT/BS
Ngày: 28...tháng 01...năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3, THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

Nguyễn Quốc Việt Tuấn

Đặng Quỳnh Như



Đặng Quang Cảnh

10

11

12

13